TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 6 – 2019.
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Út

2. Ông Võ Văn Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ D; Địa chỉ cư trú: Ấp 3A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Chí Q; Địa chỉ cư trú: Ấp 3A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Võ Chí Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc và không có sự mai mối. Đến năm 2010 anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Chí Quân.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung tên Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/01/2011, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

- Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Võ Chí Q trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung tên Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/01/2011. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao cháu Võ Đình Thư Cát cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng đến khi cháu Thư Cát trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Võ Chí Quân, yêu cầu được nuôi con chung và đồng ý nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng của anh Võ Chí Quân.

Bị đơn anh Võ Chí Q vắng mặt nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ D xác định chị và anh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa vào năm 2010. Như vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Phía anh Q xác định còn thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nên chị D yêu cầu xin ly hôn là căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Q giao cháu Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/11/2011 cho chị D nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Thư Cát trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn anh Võ Chí Quân. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Q và chị Dung: Giao cháu Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/11/2011 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thư Cát trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Mỹ D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Chí Quân, xét đây là vụ án Xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Mỹ D Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Quân.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ Dung, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Võ Chí Q tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D và anh Q thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tuy vợ chồng sống chung bên nhà mẹ vợ nhưng suốt một năm qua vợ chồng không nói chuyện do không cùng quan điểm, cuộc sống ai nấy lo, không trao đổi, không bàn bạc nhau, nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quân.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên, phân tích để chị D hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Q nhưng chị D vẫn cương quyết xin ly hôn, không muốn đoàn tụ gia đình, không mong muốn chung sống cũng như hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Quân. Hội đồng xét xử xét thấy, về phía anh Q không đồng

ý ly hôn với chị D nhưng không có động thái hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Dung, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án đã tiến hành mời các đương sự đến Tòa án để hòa giải, động viên cho các đương sự hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy anh Q không xem trọng quan hệ hôn nhân này. Hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên phía chị D không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Quân. Phía anh Q không muốn ly hôn với chị D nhưng đây chỉ là tình cảm, ý chí, nguyện vọng từ một phía, nếu cố gượng ép thì giữa chị D và anh Q cũng không thể hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D xin ly hôn với anh Q là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn với anh Võ Chí Quân.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Q và chị Dung: Giao cháu Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/11/2011, cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thư Cát của anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2019 cho đến khi cháu Thư Cát tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng.

[7.2] Về án phí cấp dưỡng: Anh Võ Chí Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ Dung.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn với anh Võ Chí Quân.

4. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Võ Chí Q và chị Phạm Thị Mỹ Dung: Giao cháu Võ Đình Thư Cát (nữ) sinh ngày 26/11/2011

cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2019 cho đến khi cháu Thư Cát tròn 18 tuổi.

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0018806 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí.

7.2. Về án phí cấp dưỡng: Anh Võ Chí Q phải nộp 300.000 đồng.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Chị Phạm Thị Mỹ D được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/6/2019. Anh Võ Chí Q được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Châu Thành A;
- THADS H.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hường